TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **448/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/8/2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân nhân dân: 1. **Bà Dương Hiền Huệ;**

2. **Ông Mai Lưu Quốc Đạt;**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 273/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 05 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 07 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2019/QĐST–HNGĐ ngày 06 tháng 08 năm 2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: **Nguyễn Thị Kiều C,** sinh năm 1992; (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn**: **Lê Thanh D,** sinh năm 1990; (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều C trình bày: chị và anh D cưới nhau vào năm 2016 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, ngày 11/04/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong tình cảm, không lo làm ăn mà lo ăn chơi nên vợ chồng thường xuyên tranh cải dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc, chị C đã cố hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Chị C và anh D đã sống ly thân từ tháng 03/2019 cho đến nay. Nay chị C thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh D.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai bị đơn là anh Lê Thanh D trình bày: giữa anh và chị C không có mâu thuẫn gì lớn nên anh không đồng ý ly hôn với chị C. Anh D và chị C không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

* Tại phiên tòa, chị C vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho chị được ly hôn anh D. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: chị C trình bày không có.

* Đối với anh Lê Thanh D vắng mặt tại tòa không rõ lý do, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng anh D vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kiều C về việc tranh chấp ly hôn với anh Lê Thanh D có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, huyện N, tỉnh Tiền Giang thuộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N. Chị Nguyễn Thị Kiều C và anh Lê Thanh D tự nguyện tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Tiền Giang. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh D là hôn nhân hợp pháp. Nay, chị C xin ly hôn với anh D nên được xem xét giải quyết theo quy định Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về hôn nhân: Chị C và anh D xác lập hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Tiền Giang số 28, ngày 11/4/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong tình cảm, không lo làm ăn mà lo ăn chơi nên vợ chồng thường xuyên tranh cải dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Xét thấy, chị C và anh D từ lúc phát sinh mâu thuẫn đến nay không thể giải quyết, hàn gắn tình cảm vợ chồng và anh chị sống ly thân từ tháng 03/2019 đến nay nên mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với lời trình bày của anh D cho rằng mâu thuẫn giữa anh chị không lớn nên anh không đồng ý ly hôn, nhưng từ lúc ly thân đến nay, anh D không đưa ra được biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh D nhưng anh D vẫn không đến tham dự phiên tòa, điều đó chứng tỏ anh D không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị C. Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị C là phù hợp với qui định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Chị C, anh D trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với anh Lê Thanh D vắng mặt tại tòa không rõ lý do, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng anh D vẫn vắng mặt nên áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều C.

1/ Chị Nguyễn Thị Kiều C được ly hôn với anh Lê Thanh D.

2/ Về con chung: Không có.

3/ Về tài sản chung: Không có

4/ Về nợ chung**:** Không có.

5/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều C phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0002538 ngày 14/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Tiền Giang nên chị C đã thi hành xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. anh Lê Thanh D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh TG;
-VKSNDHCG-TG
-Chi cục THADSHCG;
- UBND xã B;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu.

Nguyễn Thị Ánh Hồng